

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25/6/2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG- TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Quý Long**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Triệu Ngọc Vạn**.

2. Ông **Nguyễn Tất Trọng**.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Nguyễn Văn Hùng** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà **Phạm Thị Yên** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2024/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 02 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2024/QĐST- HNGĐ, ngày 21/6/2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Cẩm V, sinh năm 1994; (Có mặt).

Nơi ĐKKHKT: Thôn C, xã K, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương.

2. **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn V1, sinh năm 1989 (Có mặt)

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn C, xã K, huyện N, tỉnh Hải Dương;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm V trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn V1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã K, huyện N tổ chức đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/7/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống cùng với bố mẹ chồng. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc chỉ được vài năm đầu, sau đó xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không hợp nhau

trong cách sống sinh hoạt và phát triển kinh tế gia đình, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Anh V1 có dấu hiệu trầm cảm, nhiều khi mắng, chửi chị không có lý do. Do quá chán nản nên chị đã bế con về nhà mẹ đẻ ở thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương từ tháng 12/2022 đến nay. Vợ chồng sống ly thân kể từ thời điểm chị bỏ về nhà mẹ đẻ đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không còn hạnh phúc nên khởi kiện xin ly hôn anh V1.

Về quan hệ con chung: Chị và anh V1 có một con chung là Nguyễn Tuệ N, sinh ngày 06/5/2016. Hiện con chung đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Tuệ N đến khi con chung đủ 18 tuổi (thành niên). Chị tự nguyện không yêu cầu anh V1 phải cấp dưỡng cho con.

Về quan hệ tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn V1: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập anh V1 đến làm việc, tham gia phiên họp song anh đều vắng mặt không có lý do. Anh chỉ có mặt tại phiên tòa ngày 21/6/2024 nhưng có đơn đề nghị hoãn phiên tòa để thu thập tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án. Anh xác định về điều kiện kết hôn và chung sống như chị V trình bày, anh xác định vợ chồng mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị V có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác nên anh nhất trí ly hôn.

Về quan hệ con chung: Anh xác định vợ chồng có 01 con chung như chị V trình bày. Anh đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng cho con. Anh hiện đang làm tại công ty S có địa chỉ: Cầu R, N, huyện N, tỉnh Hải Dương với mức lương khoảng 7 đến 8 triệu đồng/tháng. Ngoài ra, anh làm ca đêm từ 20 giờ tối đến 07 giờ 30 phút sáng thì lương khoảng 10 - 11 triệu đồng/tháng. Ngoài ra anh được bố mẹ hỗ trợ chăm sóc con chung như chỗ ở và đưa đón con chung đi học nên điều kiện chăm sóc con chung tốt hơn chị V.

Chính quyền địa phương xã K cung cấp: Chị Nguyễn Thị Cẩm V và anh Nguyễn Văn V1 kết hôn với nhau hợp pháp vào ngày 25/7/2015. Sau ngày cưới vợ chồng sinh sống tại nhà bố mẹ anh V1. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn nhưng đến năm 2021 chị V đã tự ý bỏ đi, gia đình anh V1 không hiểu lý do vì sao nên xác định quan điểm chỉ giữ người ở chứ không giữ kẻ đi nên không đến tìm chị V về đoàn tụ. Do chị V đã bỏ đi nhiều năm nay nên anh V1 nghi ngờ sự chung thủy của chị V. Mặt khác, anh V1 phải đi làm công ty, đi sớm về muộn nên không đến Tòa án làm việc, mặc dù Tòa án đã triệu tập nhiều lần. Quan điểm của anh V1 cũng không muốn vợ chồng đoàn tụ. Anh V1 và gia đình muốn được nuôi con chung vì sợ chị V không đảm bảo điều kiện nuôi con. Nay chị V khởi kiện xin ly hôn, giải quyết việc nuôi con đề nghị Tòa án giải quyết theo quy

định của pháp luật. Vợ chồng chị V, anh V1 có một con chung là Nguyễn Tuệ N, sinh ngày 06/5/2016, hiện nay con chung đang do chị V nuôi dưỡng. Đề nghị Tòa án dưỡng căn cứ vào thu nhập, điều kiện hai bên và quy định của pháp luật để giao con chung cho người có thể đảm bảo nuôi dưỡng, chăm sóc với điều kiện tốt nhất.

Bà Bùi Thủy P (mẹ đẻ chị V) trình bày: Bà xác định chị V, anh V1 kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện N vào năm 2015. Quá trình chung sống vợ chồng chị V, anh V1 xảy ra mâu thuẫn do chị V tâm sự với bà là vợ chồng không hạnh phúc. Do mâu thuẫn chị V đã đưa theo con gái về sinh sống cùng với bà vào khoảng cuối năm 2022 đến nay, trong thời gian hai mẹ con sinh sống cùng gia đình bà thì chị V không quay trở về nhà chồng và anh V1 cũng không một lần sang thăm gặp, hỏi han vợ con. Bà nhận thấy chị V, anh V1 đã ly thân 02 năm nay, không quan tâm đến nhau, mỗi người có một cuộc sống riêng nên đề nghị Tòa án căn cứ các quy định của pháp luật để giải quyết cho chị V ly hôn anh V1. Chị V, anh V1 có một con chung Nguyễn Tuệ N, sinh ngày 06/5/2016. Hiện con chung đang do chị V trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay bà là người hỗ trợ cơm nước, đưa đón cháu N đi học giúp chị V. Quan điểm của cháu N mong muốn được ở với mẹ nên đề nghị Tòa án giao cháu N cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng, bà cam kết sẽ hỗ trợ chị V trong việc giáo dục, nuôi dưỡng cháu N. Hiện bà đang sống một mình, nhà cửa rộng rãi nên đảm bảo đủ điều kiện cho mẹ con chị V ở cùng bà.

Tại phiên tòa:

Chị V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh V1; giao con chung là Nguyễn Tuệ N, sinh ngày 06/5/2016 cho chị tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh V1 xác định tình cảm vợ chồng không có biện pháp cải thiện đề vợ chồng đoàn tụ nên nhất trí ly hôn chị V; Anh đề nghị Tòa án giao con chung là Nguyễn Tuệ N, sinh ngày 06/5/2016 cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Anh không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng cho con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm V đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng các điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Cẩm V và anh Nguyễn Văn V1; giao con chung là Nguyễn Tuệ N, sinh ngày 06/5/2016 cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Cẩm V về việc không yêu cầu anh V1 phải cấp dưỡng cho con; chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự trong phần tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Chị Nguyễn Thị Cẩm V và anh Nguyễn Văn V1 đều cư trú tại huyện N, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Cẩm V và anh Nguyễn Văn V1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã K, huyện N, tỉnh Hải Dương nơi sinh sống của anh V1 tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của luật nên hôn nhân giữa chị V và anh V1 là hợp pháp.

Chị V khởi kiện xin ly hôn, anh V1 biết rõ việc chị V khởi kiện xin ly hôn, việc Tòa án triệu tập nhưng anh không đến làm việc, không bày tỏ quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện. Anh chỉ trình bày quan điểm tại phiên tòa đối với yêu cầu khởi kiện của chị V. Do vợ chồng mâu thuẫn nên chị V bỏ về thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương sinh sống, hai người ly thân, không gặp gỡ, quan tâm gì đến nhau. Nay chị V khởi kiện xin ly hôn, tại phiên tòa anh V1 cũng xác định tình cảm không còn nên nhất trí ly hôn. Điều đó, chứng tỏ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của các đương sự. HĐXX căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Cẩm V và anh Nguyễn Văn V1.

- *Về quan hệ con chung:* Chị V, anh V1 có một con chung là Nguyễn Tuệ N, sinh ngày 06/5/2016. Chị V và anh V1 đều đề nghị giao con chung là cháu N cho chị và anh nuôi dưỡng và đều không yêu cầu bên không nuôi con phải cấp dưỡng cho con. Căn cứ vào quy định của pháp luật, biên bản xác minh ngày 15/5/2024, lời khai của bà Bùi Thủy P (mẹ đẻ chị V). Xét điều kiện nuôi con của cả hai bên đương sự là ngang nhau. Mặt khác, con chung là Nguyễn Tuệ N có nguyện vọng được ở với mẹ là chị V, cháu N là con gái rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục của người mẹ là chị V. Hiện nay con chung là cháu N đang ở cùng với chị V tại nhà bà Bùi Thủy P (bà ngoại) nhà cửa rộng rãi nên đảm bảo đủ điều kiện cho hai mẹ con chị V ở cùng bà. Bà P là người hỗ trợ chị V trong việc giáo dục, nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N nên HĐXX giao con chung là Nguyễn Tuệ N, sinh ngày 06/5/2016 cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị V không yêu cầu anh V1 phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về quan hệ tài sản chung, vay nợ chung, công sức:* Do không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[3] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Cẩm V tự nguyện nộp cả án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55; các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Cẩm V và anh Nguyễn Văn V1.

2. *Về quan hệ con chung*: Xử giao cho chị Nguyễn Thị Cẩm V tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Tuệ N, sinh ngày 06/5/2016 cho đến khi con đủ 18 tuổi (thành niên). Chấp nhận sự tự nguyện của chị V về việc không yêu cầu anh V1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn V1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Cẩm V phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), được đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BLTU/23/0003519, ngày 26 tháng 02 năm 2024. Hoàn trả lại chị V số tiền 150.000 đồng.

4. *Về quyền kháng cáo*: Chị Nguyễn Thị Cẩm V, anh Nguyễn Văn V1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (25/6/2024).

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ninh Giang;
- Chi cục THA dân sự huyện Ninh Giang;
- UBND xã K, huyện N;
- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Bùi Quý Long